TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - LAI CHÂU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 07/8/2026
V/v:"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - LAI CHÂU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông: Đồng Văn Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lý Ngọc Sáng

2. Bà: Lý Thị The

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà: Lâm Thị Tuyết - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Lai Châu.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Lai Châu*** tham gia phiên tòa: Bà: Phan Thị Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Lai Châu mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 51/2026/TLST-HNGĐ ngày 10/4/2026 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 11/2026/QĐST - HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Vàng Thị P - sinh năm 1990

Địa chỉ: Tổ dân phố N, xã N, tỉnh Lai Châu.

(Có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn*: Anh Phan Văn Đ - sinh năm 1968

Địa chỉ: Tổ dân phố N, xã N, tỉnh Lai Châu.

(Vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07/4/2026, biên bản ghi lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Vàng Thị P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phan Văn Đ đến với nhau và có đăng ký kết hôn, đăng ký ngày 14/9/2018 tại Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện N,

tỉnh Lai Châu (nay là Ủy ban nhân dân xã N, tỉnh Lai Châu). Việc kết hôn giữa chị và anh Đ trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc. Sau khi kết hôn, chị và anh Đ chung sống hòa thuận, hạnh phúc, nhưng càng về sau thì cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cải vã nhau. Nguyên nhân chủ yếu không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống, anh Đ thường xuyên uống rược dùng những lời lẽ xúc phạm chị nên chị P bỏ về nhà sống chung cùng với bố mẹ đẻ, kể từ đó chị và anh Đ sống ly thân cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Chị P nhận thấy tình cảm giữa chị và anh Đ không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, không hàn gắn được tình cảm vợ chồng, nên chị đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 4 - Lai Châu giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phan Văn Đ.

Về con chung: Chị và anh Phan Văn Đ có 01 (một) con chung tên là Phan Mạnh T, sinh ngày 19/7/2018. Sau khi ly hôn chị P có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung cho đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động và không yêu cầu Phan Văn Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản: Tài sản chung; tài sản riêng và vay, nợ chung: Chị Vàng Thị P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tống đạt các văn bản tố tụng đối với bị đơn theo đúng quy định của pháp luật và triệu tập bị đơn nhưng bị đơn không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, không cung cấp tài liệu, chứng cứ và không có yêu cầu gì.

Tại biên bản xác minh giữa Tòa án với chính quyền địa phương Ủy ban nhân dân xã N, tỉnh Lai Châu cùng với bên phía gia đình xác định: Chị Vàng Thị P và anh Phan Văn Đ có đăng ký kết hôn, đăng ký ngày 14/9/2018 tại Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện N, tỉnh Lai Châu (nay là Ủy ban nhân dân xã N, tỉnh Lai Châu). Năm 2018 chị P và anh Đ phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vả nhau, không ai quan tâm đến ai, chị và anh Đ sống ly thân bắt đầu từ năm 2018 cho đến nay. Chị P và anh Đ có 01 con chung là cháu Phan Mạnh T, sinh ngày 19/7/2018. Hiện nay con chung đang ở cùng với chị P tại Tổ dân phố N, xã N, tỉnh Lai Châu. Chị P và anh Đ đều lao động tự do. Thu nhập trung bình quân tại địa phương của anh chị khoảng 36.000.000 đồng/năm/người (khoảng 3.000.000 đồng/người/tháng). Anh Đ có hộ khẩu thường trú tại Tổ dân phố N, xã N, tỉnh Lai Châu.

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh Phan Văn Đ: Như thông báo thụ lý vụ án; giấy triệu tập; thông báo đến tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Đ không đến Tòa. Quá trình giải quyết vụ án, anh Phan Văn Đ có mặt tại nơi cư trú nhưng không chấp hành các văn bản tố tụng của Tòa án. Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho ông Phan Văn Đ1 là bố đẻ của anh Đ xác nhận. Ông đã nhận được các văn bản tố tụng của

Tòa án và đã thông báo và giao lại cho anh Đ, anh Đ đã biết rõ được thời gian để tham gia giải quyết vụ án nhưng anh Đ không thể đến Tòa để giải quyết vụ án và cũng không có ý kiến gì về việc chị P yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Đ. Chị Vàng Thị P có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải, nên vụ án không tiến hành hòa giải được. Tòa án đã tiến hành tống đạt văn bản tố tụng hợp lệ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được, đồng thời thông báo kết quả phiên họp và quyết định đưa vụ án ra xét xử theo đúng quy định của pháp luật.

Tại biên bản lấy lời khai của con chung, cháu Phan Mạnh T, sinh ngày 19/7/2018 thể hiện nguyện vọng muốn sinh sống và ở cùng với chị Vàng Thị P.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt, chị Vàng Thị P vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phan Văn Đ và giải quyết quan hệ con chung theo nội dung đơn xin ly hôn của chị đã trình bày.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Lai Châu phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật, việc chấp hành pháp luật của Nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm hội đồng xét xử nghị án đúng theo quy định của pháp luật. Bị đơn anh Phan Văn Đ không tuân thủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn vẫn cố tình vắng mặt không có lý do tại phiên họp và phiên hòa giải và vắng mặt tại phiên tòa.

Về ý kiến giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, 35; 39; khoản 4 Điều 147 điểm a, b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý sử dụng án án phí và lệ phí Tòa án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Vàng Thị P và xem xét quyết định:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Vàng Thị P được ly hôn với anh Phan Văn Đ.

Về con chung: Giao 01 (một) con chung là cháu Phan Mạnh T, sinh ngày 19/7/2018 cho chị Vàng Thị P là người trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung cho đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Vàng Thị P không yêu cầu anh Phan Văn Đ thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Chị Vàng Thị P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi xem xét các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Lai Châu, Hội đồng xét xử nhận định:

[1 Về thủ tục tố tụng: Anh Phan Văn Đ có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại Tổ dân phố N, xã N, tỉnh Lai Châu. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân khu vực 4 - Lai Châu;

Việc anh Phan Văn Đ đã được Tòa án thông báo việc thụ lý vụ án và triệu tập đến Toà án để giải quyết việc ly hôn và con chung nhưng anh Đ cố tình vắng mặt không có lý do. Chị P có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nên căn cứ khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án đã lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được và ra quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung. Tòa án nhân dân khu vực 4 - Lai Châu đã tiến hành mở phiên tòa lần thứ nhất, mặc dù được được triệu tập văn bản tố tụng tuy nhiên anh Đ vắng mặt không có lý do. Tại phiên toà hôm nay nguyên đơn chị P có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ điểm a khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 và bị đơn anh Đ tiếp tục vắng mặt không có lý do, đây là lần thứ hai nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với chị Vàng Thị P và anh Phan Văn Đ.

[2] Về nội dung vụ án: Căn cứ vào lời trình bày của chị Vàng Thị P, kết quả xác minh tại chính quyền địa phương, gia đình và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở xác định:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Vàng Thị P và anh Phan Văn Đ kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện N, tỉnh Lai Châu (nay là xã N, tỉnh Lai Châu) cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 14/9/2018. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Về nguyên nhân mâu thuẫn: Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn và kết quả xác minh tại địa phương, Hội đồng xét xử xác định trong quá trình chung sống, giữa chị P và anh Đ thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vả nhau, bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung. Anh Đ thường xuyên say rượu, xúc phạm đến chị P, không còn quan tâm đến nhau, mạnh ai nấy sống. Mặc dù Tổ dân phố N, xã N, tỉnh Lai Châu và gia đình hai bên đã nhiều lần tiến hành hòa giải nhưng không có kết quả. Thực tế, anh chị đã sống ly thân, không còn quan tâm, chăm sóc nhau từ năm 2018 cho đến nay. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị P và anh Đ đã kéo dài, thực trạng hôn nhân ở mức độ trầm trọng, đời sống chung không thể duy trì và mục đích của hôn nhân không đạt được. Việc chị P yêu cầu ly hôn là hoàn toàn có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung:

Chị Vàng Thị P và anh Phan Văn Đ có 01 con chung là cháu Phan Mạnh T, sinh ngày 19/7/2018. Quá trình giải quyết vụ án, chị P giữ nguyên nguyện vọng được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục và chăm sóc con chung cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động.

Xét điều kiện nuôi dưỡng con chung: Chị P có công việc và thu nhập ổn định (khoảng 3.000.000 đồng/tháng), đảm bảo điều kiện sinh hoạt tối thiểu cho con. Đặc biệt, tại Biên bản lấy ý kiến ngày 15/5/2026, Cháu Phan Mạnh T bày tỏ nguyện vọng được sinh sống và ở cùng với mẹ. Thực tế hiện nay, cháu cũng đang cư trú ổn định cùng chị P tại Tổ dân phố N, xã N, tỉnh Lai Châu.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Đ mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn cố tình vắng mặt, không đưa ra quan điểm hay chứng minh điều kiện nuôi con. Điều này thể hiện sự thiếu trách nhiệm của người cha đối với quyền lợi của con cái khi quan hệ hôn nhân có mâu thuẫn.

Vì vậy, để đảm bảo lợi ích mọi mặt và sự phát triển toàn diện của trẻ, căn cứ các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử thấy cần giao con chung là cháu Phan Mạnh T, sinh ngày 19/7/2018 cho chị Vàng Thị P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là có căn cứ và phù hợp với điều kiện thực tế.

[2.3] *Về cấp dưỡng nuôi con chung:* Chị Vàng Thị P không yêu cầu anh Phan Văn Đ phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] *Về chia tài sản: Tài sản chung, nợ chung, cho vay chung*: Chị Vàng Thị P không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5] *Về án phí*: Chị Vàng Thị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Do vậy, quan điểm giải quyết vụ án của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Lai Châu tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 điều 228, Điều 238; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Vàng Thị P được ly hôn với anh Phan Văn Đ.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Phan Mạnh T, sinh ngày 19/7/2018 cho chị Vàng Thị P là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung cho đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Anh Phan Văn Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Vàng Thị P không yêu cầu anh Phan Văn Đ cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về chia tài sản: Tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Chị Vàng Thị P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Nguyên đơn chị Vàng Thị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng. Xác nhận chị P đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0000184 ngày 10/4/2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Lai Châu nay chuyển thành án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND khu vực 4 - Lai Châu;
- Thi hành án dân sự tỉnh Lai Châu;
- UBND xã Nậm Hàng, tỉnh Lai Châu;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đồng Văn Dũng